

BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng: 6 (Đợt 2)

1. **Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp
2. **Ngày quan trắc:** 27 – 28/06/2020 **Ngày cung cấp TT:** 28/06/2020
3. **Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Công Như Trác	Công mở.
2	2	Công Hữu Bị	Công đóng.
3	3	Công Cốc Thành	Công đóng.
4	4	Công sông Chanh	Công đóng.
5	5	Công Nhâm Tràng	Công đóng.
6	6	Công Kinh Thanh	Công đóng.
7	7	Công Cỏ Đam	Công đóng.
8	8	Công Vĩnh Trị	Công đóng.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đập đóng.
10	13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Công đóng.
11	15	Đập Biên Hòa	Đập đóng.
12	16	Đập Vùa (CG12)	Đập đóng.

4. **Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 20 vị trí

5. **Đơn vị thực hiện:** Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. **Đơn vị nhận thông tin:** Tổng cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Cần cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2015 và kết quả đo đạc tại hiện trường, nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Cống Sông Chanh.**

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng Hữu Bị, Cổng Cốc Thành, Cổng Cỗ Đam, Cổng Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Đập An Bài (sông Châu Giang), Cầu Chủ (sông Châu Giang), Đầu kênh C19.**

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí đạt các giới hạn trên, Cổng Như Trác, Cổng Nhân Tràng, Cổng Kinh Thanh, Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21), Cầu đường 10 với sông Sắt, TB Triệu Xá (sông Châu Giang), Đập La Chợ, Đập Biên Hòa, Đập Vùa (CG12), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Đầu kênh T6.**

Các vị trí đạt giới hạn B2: Dùng cho giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp: **Các vị trí đạt các giới hạn trên.**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích trên: Không có vị trí nào.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2				6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1				5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2				5.5 – 9		2		0.9	15		
1	Cổng Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời oi bức, t° = 35°C, độ ẩm 57%, gió Nam 6 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm, cống mở, tiêu nước ra sông Hồng. Nước màu nâu đục.	7.08	30	4.39	0.2	0.179	0.470	334	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
											thủy sinh.
2	Cống Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời oi bức, t° = 36°C, độ ẩm 49%, gió NTN 10 km/h, mật độ mây 100%. Cống đóng, không dòng chảy, TB không hoạt động. Nước màu xanh lục.	7.18	19.2	5.08	0.1	0.148	0.441	194	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
3	Cống Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Trời nắng nóng, t° = 34°C, độ ẩm 62%, gió Nam 18 km/h, mật độ mây 100%. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm đang hoạt động lấy nước từ kênh tiêu lên. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu xanh lục.	7.7	18.2	5.57	0.1	0.311	1.262	179	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
4	Cống Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời nắng nóng, t° = 39°C, độ ẩm 49%, gió ĐN 12 km/h, mật độ mây 100%. Không có dòng chảy, cống đóng. Nước màu nâu đục do đang nạo vét khu vực gần bề hút trạm bơm.	7.53	53.7	6.2	0.1	0.420	0.365	186	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
											sinh.
5	Công Nhâm Tràng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	Trời nắng nóng, t° = 36°C, độ ẩm 50%, gió TN 10 km/h, mật độ mây 100%. Không có dòng chảy, công đóng, trạm bơm không hoạt động. Mục nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu nâu đục.	7.3	36.4	4.5	0.5	0.365	0.558	731	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
6	Công Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời nắng nóng, t° = 36°C, độ ẩm 50%, gió TN 10 km/h, mật độ mây 100%. Công đóng, không có dòng chảy, trạm bơm không hoạt động. Mục nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu xanh lục.	7.42	38.5	4.7	0.5	0.202	0.682	649	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
7	Công Cỏ Đam	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cỏ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời nắng nóng, t° = 36°C, độ ẩm 50%, gió TN 10 km/h, mật độ mây 100%. Công đóng, không có dòng chảy, trạm bơm đang lấy nước từ kênh tiêu. Mục nước trong kênh cao hơn ngoài sông. Nước màu nâu	7.32	22.7	5.29	0.3	0.155	0.846	462	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2015 A1</i>	6 – 8.5		6		0.3	2		
			<i>QCVN 08:2015 A2</i>	6 – 8.5		5		0.3	5		
			<i>QCVN 08:2015 B1</i>	5.5 – 9		4		0.9	10		
			<i>QCVN 08:2015 B2</i>	5.5 – 9		2		0.9	15		
			đục.								
8	Cống Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời nắng nóng, t° = 37°C, độ ẩm 50%, gió N 18 km/h, mật độ mây 100%. Cống đóng, không có dòng chảy. TB không hoạt động. Nước màu nâu đục.	7.16	20.9	5.37	0.2	0.287	1.026	407	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.	Trời nắng nóng, t° = 34°C, độ ẩm 61%, gió Nam 18 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm, hướng về Cốc Thành. Trên sông có nhiều bèo. Nước màu xanh lục.	7.36	17	5.35	0.1	0.218	0.396	166	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
10	Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng nóng, t° = 37°C, độ ẩm 52%, gió N 8 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm. Trên sông nhiều bèo. Nước màu xanh lục.	7.84	26.5	4.92	0.3	0.334	0.817	488	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Khuyến cáo sử dụng	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2015 A1</i>			6 – 8.5		6		0.3	2			
<i>QCVN 08:2015 A2</i>			6 – 8.5		5		0.3	5			
<i>QCVN 08:2015 B1</i>			5.5 – 9		4		0.9	10			
<i>QCVN 08:2015 B2</i>			5.5 – 9		2		0.9	15			
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	Trời nắng nóng, t° = 36°C, độ ẩm 55%, gió ĐN 10 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm. Trên sông nhiều bèo. Nước màu xanh lục.	7.07	31.6	4.03	0.3	0.458	1.620	263	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời oi bức, t° = 35°C, độ ẩm 56%, gió N 6 km/h, mật độ mây 100%. Không có dòng chảy, đập đóng. Hạ lưu đập dày đặc bèo. Nước màu xanh lục.	7.26	24.4	5.81	0.2	0.171	0.918	297	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục và Huyện thanh Liêm.	Trời nắng nóng, t° = 34°C, độ ẩm 59%, gió TN 6 km/h, mật độ mây 100%. Cống đóng, không có dòng chảy, trạm bơm không hoạt động. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Hai bên kênh tiêu nhiều rác thải. Nước màu xanh lục.	7.8	16.5	4.62	0.3	0.295	0.387	416	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Khuyến cáo sử dụng	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2015 A1</i>			6 – 8.5		6		0.3	2			
<i>QCVN 08:2015 A2</i>			6 – 8.5		5		0.3	5			
<i>QCVN 08:2015 B1</i>			5.5 – 9		4		0.9	10			
<i>QCVN 08:2015 B2</i>			5.5 – 9		2		0.9	15			
14	Đập La Chơ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời nắng nóng, t° = 34°C, độ ẩm 50%, gió N 11 km/h, mật độ mây 100%. Đập mở, không có dòng chảy do trên kênh không có nước. Nước màu nâu đục.	7.02	50.6	4.43	0.2	0.140	0.394	320	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
15	Đập Biên Hòa	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng nóng, t° = 37°C, độ ẩm 50%, gió N 6 km/h, mật độ mây 100%. Không có dòng chảy, đập đóng. Hạ lưu đập nhiều bèo. Nước màu nâu đục.	7.3	13.7	4.26	0.3	0.326	0.810	452	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
16	Đập Vùa (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời oi bức, t° = 35°C, độ ẩm 57%, gió N 6 km/h, mật độ mây 100%. Không có dòng chảy, đập đóng. Nước màu xanh lục.	7.1	20.6	4.76	0.4	0.466	1.058	405	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
17	Cầu Chủ	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các	Trời oi bức, t° = 35°C, độ ẩm 56%, gió N 6	8.02	19.4	5.04	0.2	0.497	0.563	313	Đủ điều kiện

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo sử dụng	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
<i>QCVN 08:2015 A1</i>				6 – 8.5		6		0.3	2			
<i>QCVN 08:2015 A2</i>				6 – 8.5		5		0.3	5			
<i>QCVN 08:2015 B1</i>				5.5 – 9		4		0.9	10			
<i>QCVN 08:2015 B2</i>				5.5 – 9		2		0.9	15			
	(sông Châu Giang)	huyện Bình Lục, Lý Nhân.	km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm, nước chảy từ Hữu Bị về. Nước màu xanh.									dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời nắng nóng, t° = 36°C, độ ẩm 50%, gió TN 10 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm về hướng Cỏ Đam. Mực nước trung bình. Nước màu nâu đục.	7.21	31.7	4.1	0.5	0.171	0.844	634	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	
19	Đầu kênh C19	Đánh giá nhanh chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Trời nắng nóng, t° = 36°C, độ ẩm 53%, gió NĐN 11 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm, mực nước trung bình. Có nước thải từ KCN chảy vào kênh với lưu lượng nhỏ qua các cống. Nước màu nâu đục.	7.63	34.9	5.7	1.2	0.140	3.083	1520	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	
20	Đầu kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn	Trời nắng nóng, t° = 35°C, độ ẩm 58%, gió	7.13	24.4	4.87	0.2	0.163	0.576	368	Đủ điều kiện dùng cho tưới,	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Khuyến cáo sử dụng	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
		được sử dụng tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	N 18 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm, mực nước trung bình. Dưới kênh nuôi nhiều vịt. Nước màu nâu đục.								tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2020

ĐƠN VỊ QUAN TRẮC